

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRONG SỰ NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

MỤC LỤC

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA LÀNG NGHỀ	2
1. Một số nét về lịch sử	2
2. Khái niệm làng nghề và phân loại làng nghề	3
2.1. Khái niệm	3
2.2. Phân loại làng nghề.....	4
2.3. Các nhóm làng nghề.....	5
3. Ý nghĩa và tác dụng của làng nghề	7
3.1. Tạo việc làm	7
3.2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế	8
3.3. Làng nghề góp phần quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu	8
3.4. Bảo tồn, chấn hưng và phát triển làng nghề không chỉ là phát triển kinh tế theo ý nghĩa thông thường, mà còn là phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc trong tăng trưởng kinh tế.....	9
3.5. Làng nghề giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch văn hoá giới thiệu với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế những đặc trưng văn hoá, phong tục tập quán của mỗi dân tộc, mỗi làng nghề, làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch	10
II. NHIỆM VỤ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRONG TÌNH HÌNH MỚI.....	11
1. Làng nghề với công cuộc xây dựng nông thôn mới	11
2. Cơ hội và thách thức.....	12
3. Những vấn đề mới	13
3.1. Những khó khăn, yếu kém chủ yếu của làng nghề hiện nay:.....	13
3.2. Hướng bảo tồn và phát triển.....	18
3.3. Khó khăn trước mắt.....	19
III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	19

Làng nghề, với những sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo, có ý nghĩa to lớn trong đời sống kinh tế, văn hóa của dân tộc ta. Trong thời kỳ mới phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, cần có những giải pháp mới bảo tồn và phát triển làng nghề, để làng nghề góp phần có ý nghĩa hơn nữa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA LÀNG NGHỀ

1. Một số nét về lịch sử

Sử sách đã ghi chép sản phẩm thủ công nước ta xuất hiện từ thời Đông Sơn, cách ngày nay từ hàng nghìn năm, trước hết là nghề luyện kim, đúc đồng, rèn sắt phục vụ nông nghiệp. Sau đó, đến Thế kỷ XI - XIV, Nhà nước Đại Việt phục hưng, sản phẩm thủ công xuất hiện ngày càng nhiều và ngày càng tinh xảo, như gốm, dệt, làm giấy dó, tranh dân gian, đúc đồng, v.v... Dưới thời Lê (Hậu Lê) và thời Mạc kéo dài suốt 300 năm (Thế kỷ XV - XVII), nhiều làng nghề ra đời. Đến thời Nguyễn, những loại hàng thủ công phát triển nhất là ngành dệt, sau đó là gốm sứ, kim hoàn, rèn đúc đồng,... Ngay từ thời đó, nhiều làng nghề của các vùng đã nổi tiếng trong cả nước, từ Bắc đến Nam, tuy vậy, nhiều làng nghề vẫn tập trung ở miền Bắc, nhất là vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Đáy; và đây được coi là cái nôi của rất nhiều nghề thủ công Việt Nam. Những địa phương đông đặc làng nghề là: Hà Tây, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nam, Thái Bình, Hà Nội. Những nghề thủ công truyền thống nổi tiếng bậc nhất của cả nước cũng tập trung ở vùng này, như: làm giấy dó, dệt tơ lụa, đồ gốm, đúc đồng, khắc gỗ, sơn thếp, sơn mài, khảm trai, thêu ren, tranh dân gian, đóng thuyền, in mộc bản, làm con rối nước, làm nón, làm quạt giấy, nghề kim hoàn, v.v...

Nhiều làng nghề nước ta có truyền thống, tuổi nghề rất cao, từ một vài trăm năm đến hàng nghìn năm. Sự hình thành của làng nghề thường gắn với việc các thợ thủ công tập hợp nhau lại theo các yếu tố kinh tế, như các vùng tập trung đông dân cư có nhu cầu về hàng thủ công (phục vụ nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, về ăn, ở, đi lại, thờ cúng ...) hoặc để phục vụ cho vua quan chốn kinh kỳ. Làng nghề thường hình thành ở những nơi thuận tiện về giao thông thủy bộ và gần nguồn nguyên liệu. Nghề thủ công và làng nghề phát triển cũng do công lao của các vị tổ nghề đã chủ động dạy nghề cho dân địa phương và những vùng xung quanh. Có những sản phẩm như gốm Chu Đậu (Hải Dương) từ cuối thế kỷ XIV với những loại men và loại hoa văn độc đáo, trình độ rất cao cả về kỹ thuật và mỹ thuật, được coi là tuyệt đỉnh của đồ gốm cổ truyền Việt Nam. Có những làng nghề như làng gốm Bát Tràng, làng nghề

giấy dó Yên Thái, giấy sắc Nghĩa Đô, giấy dó An Cốc và Phong Khê có tuổi nghề từ 500 đến gần 800 năm. Làng nghề dệt tơ lụa Vạn Phúc (Hà Tây) với những sản phẩm độc đáo như lụa, là, gấm, vóc, the, đũi, lĩnh ... xuất hiện từ thế kỷ III sau Công Nguyên. Làng nghề Bát Tràng có lịch sử từ Thế kỷ XI, khi vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, đưa theo một số thợ thủ công ở vùng Bạch Bát (huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình ngày nay) về kinh kỳ. Khi thuyền ngược sông Hồng, họ phát hiện ra một vùng có hàng chục gò đất sét trắng, rất thích hợp để sản xuất gốm sứ có chất lượng, liền dừng lại lập làng với tên gọi là Bạch Thổ phường, sau đổi thành Bát Tràng Phường ...

Trải qua nhiều năm thăng trầm, các ngành nghề thủ công mỹ nghệ có lúc thịnh, lúc suy. Thời tập trung, quan liêu, bao cấp, thủ công nghiệp được liệt vào "nghề phụ nông dân", các cơ sở tư nhân sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ được cải tạo, từ đó mai một dần. Phải đến những năm đổi mới, các ngành nghề thủ công mỹ nghệ mới được khôi phục; làng nghề cũng hồi sinh. Nhiều địa phương đã có những làng nghề với những sản phẩm thủ công mỹ nghệ đặc trưng nổi tiếng trong cả nước; như gốm Bát Tràng (Hà Nội), gốm Chu Đậu, Phù Lãng (Hải Dương), dệt thổ cẩm (Hoà Bình, Ninh Thuận), chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình), dệt La Phù, lụa tơ tằm Vạn Phúc (Hà Tây), tranh Đông Hồ, rượu Làng Vân (Bắc Giang), đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng) và Hoa Lư (Ninh Bình), đúc đồng Ý Yên (Nam Định), Đại Bái (Bắc Ninh) và Phước Kiều (Quảng Nam), nước mắm Phú Quốc, nước mắm Phan Thiết, đồ gốm Bình Dương, v.v...

2. Khái niệm làng nghề và phân loại làng nghề

2.1. Khái niệm

Lâu nay khái niệm làng nghề thường được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Có nhà nghiên cứu cho rằng "Làng nghề là một thiết chế kinh tế- xã hội ở nông thôn, được cấu thành bởi hai yếu tố làng và nghề, tồn tại trong một không gian địa lý nhất định trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống bằng nghề thủ công là chính, giữa họ có mối liên kết về kinh tế, xã hội và văn hóa" (Trần Minh Yến, 2004). Có nhà nghiên cứu định nghĩa "Làng nghề truyền thống là làng nghề cổ truyền làm nghề thủ công. Ở đây không nhất thiết tất cả dân làng đều sản xuất hàng thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng đồng thời làm nghề nông. Nhưng yêu cầu chuyên môn hóa cao đã tạo ra những người thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại làng quê của mình" (Bùi Văn Vượng, 2002). Thế nhưng, trải qua nhiều bước phát triển, có thể thấy cho đến nay, (i) làng nghề không còn bó hẹp trong khuôn khổ công nghệ thủ công, tuy thủ công vẫn là chính, mà một số công đoạn đã được cơ khí hóa hoặc bán cơ khí hóa và (ii) trong các làng

nghề, không chỉ có các cơ sở sản xuất hàng thủ công, mà đã có những cơ sở dịch vụ và ngành nghề phục vụ cho sản xuất, như các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề.

2.2. Phân loại làng nghề

Cũng đã có những cách phân loại làng nghề khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu nhất trí hai cách phân loại như sau:

(1) Phân loại theo số lượng làng nghề: (i) làng nghề một nghề là những làng ngoài nghề nông ra, chỉ có thêm một nghề thủ công duy nhất; (ii) làng nhiều nghề, là những làng ngoài nghề nông ra còn có thêm một số hoặc nhiều nghề khác.

(2) Phân loại theo tính chất nghề: (i) làng nghề truyền thống là những làng nghề xuất hiện từ lâu đời trong lịch sử và còn tồn tại đến ngày nay; (ii) làng nghề mới là những làng nghề xuất hiện do sự phát triển lan tỏa của các làng nghề truyền thống hoặc du nhập từ các địa phương khác. Một số làng mới được hình thành do chủ trương của một số địa phương cho người đi học nghề ở nơi khác rồi về dạy cho dân địa phương nhằm tạo việc làm cho người dân địa phương mình.

Năm 2006, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 quy định nội dung và các tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Theo đó,

Nghề truyền thống là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau.

Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Cũng theo Thông tư nói trên, các tiêu chí dùng để công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được quy định như sau:

Nghề được công nhận là *nghề truyền thống* phải đạt 03 tiêu chí sau: (a) nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (b) nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc;

(c) nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Làng nghề được công nhận phải đạt 03 tiêu chí sau: (a) có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn; (b) hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (c) chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại Thông tư này. Đối với những làng chưa đạt tiêu chí công nhận làng nghề (theo tiêu chí (a) và (b) trên đây) nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định của Thông tư này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống.

2.3. Các nhóm làng nghề

Theo thống kê năm 2004, cả nước có 2.017 làng nghề, trong đó có khoảng 300 làng nghề truyền thống, bao gồm 1,4 triệu cơ sở sản xuất với nhiều loại hình tổ chức sản xuất từ hộ gia đình đến tổ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty.

Số 2017 làng nghề được phân bố như sau (số liệu năm 2004):

- Đồng bằng Sông Hồng: 866 làng;
- Đông bắc: 164 làng;
- Tây Bắc 247 làng;
- Bắc Trung Bộ: 341 làng;
- Nam Trung Bộ: 87 làng;
- Tây Nguyên: 0 làng;
- Đông Nam Bộ: 101 làng;
- Đồng bằng Sông Cửu Long: 211 làng.

Như vậy, có thể thấy làng nghề tập trung chủ yếu ở đồng bằng Sông Hồng, nơi đây có đến 80% hộ nông dân tham gia làm hàng thủ công. Riêng tỉnh Hà Tây (cũ) có đến 258 làng, được coi là "đất trăm nghề", nơi có những làng nghề nổi tiếng từ lâu đời như lụa Vạn Phúc, mây tre đan Phú Vinh, khảm Chuyên Mỹ, v.v...

Đáng chú ý là từ năm 2004 đến nay, tình hình làng nghề ở các địa phương đã có nhiều thay đổi, nhiều làng nghề đã hình thành, có làng nghề được địa phương công nhận chính thức bằng văn bản, có làng chưa được

công nhận chính thức. Song cho đến nay, chưa có thống kê chính thức cập nhật về số lượng làng nghề hiện có trong cả nước; do đó, số liệu hiện đang dùng (2017 làng nghề) có thể thấp so với thực tế (ví dụ, theo số liệu năm 2004, Thừa Thiên-Huế chỉ có 04 làng nghề, nhưng thực tế đã có đến 88 làng nghề).

Làng nghề có thể chia ra thành 14 nhóm như sau.

- (1) Mây tre đan; kể cả sản phẩm đan lát, bện thủ công (kể cả bàn nghề, nón lá);
- (2) Cói
- (3) Gốm sứ;
- (4) Sơn mài, khảm trai;
- (5) Thêu, ren;
- (6) Dệt (vải, khăn tay, áo, khăn quàng, kể cả dệt thổ cẩm);
- (7) Đồ gỗ (đồ mộc dân dụng, gỗ mỹ nghệ, điêu khắc gỗ, làm trống);
- (8) Đá mỹ nghệ;
- (9) Giấy thủ công;
- (10) Tranh nghệ thuật (bằng hoa khô, tre hun khói, lá khô, ốc...); hoa các loại bằng vải, lụa, giấy;
- (11) Trò chơi dân gian (sản xuất và biểu diễn rối cạn, rối nước, tò he)
- (12) Sản phẩm kim khí (đồ đồng, sắt, nhôm ... sản xuất và tái chế);
- (13) Chế biến nông sản, thực phẩm (các loại nước chấm, bún bánh, miến dong, đường, mật, mạch nha, rượu, trà, kể cả đóng giày da);
- (14) Cây cảnh (gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh).

Việc phân nhóm trên đây chỉ là quy ước; vì cho đến nay, chúng ta chưa có nghiên cứu đầy đủ về phương pháp luận phân nhóm làng nghề. Năm 2004, Dự án của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ phân 11 nhóm thuộc ngành nghề thủ công nghiệp, không đề cập các làng như chế biến nông sản thực phẩm, cây cảnh ... Có thể thấy: do nhu cầu của thị trường, có những ngành nghề mới đã xuất hiện và hình thành làng, làm phong phú thêm danh mục các làng nghề.

Trong các nhóm làng nghề nói trên, nhóm mây tre đan được phát triển phổ biến nhất, chiếm đến 24% số làng nghề và 25% số lao động trong các

làng nghề, do tận dụng nguyên liệu tại chỗ (tre, nứa, mây, song, giang, guột, té ...); sử dụng nhiều lao động; và có thị trường rộng rãi khắp nước, kể cả xuất khẩu. Tiếp đến là các làng nghề chế biến thực phẩm (các loại nước chấm, nước mắm, tương, rượu, miến, mì sợi, ...), sau đó là các nhóm dệt, thêu. Trên 60% số lao động các làng nghề là nữ, trong đó nghề dệt và thêu có đến 80% là lao động nữ.

Trong các làng nghề hiện nay, đang có nhiều tổ chức sản xuất, kinh doanh rất đa dạng: đó là các loại hình doanh nghiệp (các loại công ty, doanh nghiệp tư nhân), hợp tác xã, tổ sản xuất, hộ gia đình thuộc các lĩnh vực sản xuất, buôn bán, dịch vụ, du lịch. Hoạt động của các tổ chức kinh doanh này (gọi chung là doanh nghiệp) đang trong bước phát triển, năng động, đa dạng, giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển làng nghề. Trong các doanh nghiệp đó, cơ cấu như sau: thủ công nghiệp, xây dựng chiếm 33%; chế biến chiếm 27%; dịch vụ chiếm 40% (chủ yếu là cửa hàng bán lẻ).

Về thành phần kinh tế, trong các ngành nghề nông thôn hiện nay, kinh tế tư nhân chiếm 71,8%; kinh tế hợp tác chiếm 18,2%; kinh tế nhà nước chiếm 10%. Khu vực kinh tế tư nhân đang có nhiều triển vọng, do suất đầu tư thấp, kinh doanh năng động, hiệu quả cao. Thời gian gần đây, nhiều tổ chức xã hội dân sự trong các làng nghề đã được tổ chức dưới nhiều hình thức, như hội ngành nghề, hiệp hội (Hiệp hội làng nghề Việt Nam), kể cả câu lạc bộ.

3. Ý nghĩa và tác dụng của làng nghề

Làng nghề có ý nghĩa và tác dụng nhiều mặt trong việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của cư dân nông thôn, trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần quan trọng phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đồng thời có ý nghĩa to lớn về bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc và đóng góp quan trọng trong việc phát triển du lịch.

3.1. Tạo việc làm

Việc phát triển ngành nghề, làng nghề là hướng chủ yếu để tạo việc làm cho lao động nông thôn đang là một vấn đề thời sự hiện nay. Các làng nghề trong cả nước đã thu hút trên 11 triệu lao động làm việc thường xuyên, ngoài ra, còn tận dụng được số lao động trên và dưới độ tuổi vào những công đoạn thích hợp. Cộng với số lao động chưa đủ việc làm trong thời gian nông nhàn (còn đến 35% thời gian lao động của nông dân), số lao động không còn việc làm khi ruộng đất đã chuyển đổi mục đích sử dụng (phát triển công

nghiệp và đô thị), thêm đó là số lao động mất việc làm ở thành phố đang "di chuyển ngược" về nông thôn, v.v... sức ép về việc làm ở nông thôn đang rất lớn. Số lao động ấy phải được thu hút vào các làng nghề là chủ yếu. Hiện nay, nhiều làng nghề đã thu hút trên 70% lao động của làng vào các nghề thủ công, đem lại giá trị sản xuất tiêu thủ công vượt trội so với nông nghiệp. Đã có nhiều xã do phát triển nhiều nghề, làng nghề mà thu nhập của dân cư có đến 70 - 80% là từ tiêu thủ công nghiệp.

Làng nghề phát triển còn kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề khác, dịch vụ khác, qua đó tạo thêm việc làm, thêm thu nhập cho dân cư nhiều vùng nông thôn, như nghề mây tre đan đã kéo theo sự phát triển những vùng trồng cây làm nguyên liệu; ngành chế biến lương thực, thực phẩm đã thúc đẩy ngành trồng trọt, chăn nuôi phục vụ cho chế biến. Do sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng, các dịch vụ như tín dụng, ngân hàng, các dịch vụ khoa học kỹ thuật phục vụ nâng cao năng suất lao động, dịch vụ về đời sống, v.v... cũng có thêm điều kiện phát triển, làm phong phú cuộc sống ở nông thôn.

3.2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta từ nông nghiệp là chủ yếu chuyển sang cơ cấu mới: tỷ trọng của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng lên dần, nhất là tỷ trọng của khu vực dịch vụ tăng nhanh, tỷ trọng của nông nghiệp giảm dần. Trong nội bộ kinh tế nông thôn cũng vậy, tỷ trọng của công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ sẽ tăng lên, tỷ trọng của nông nghiệp sẽ giảm xuống. Phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề chính là con đường chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng đó, chuyển từ lao động nông nghiệp năng suất thấp, thu nhập thấp sang lao động ngành nghề có năng suất và chất lượng cao với thu nhập cao hơn. Mục tiêu nâng cao đời sống của cư dân nông thôn một cách toàn diện cả về kinh tế và văn hóa cũng chỉ có thể đạt được nếu trong nông thôn, có cơ cấu hợp lý của nông thôn mới, có nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, có nông thôn vận động và phát triển thanh bình với hệ thống làng nghề tiếp nối truyền thống văn hóa làng nghề với chuỗi đô thị nhỏ văn minh, lành mạnh.

3.3. Làng nghề góp phần quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu

Đến nay, nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ của làng nghề được xuất khẩu tới trên 100 nước và vùng lãnh thổ, một số hàng được nước ngoài đánh giá cao. Giá trị hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu tăng lên nhanh và đang có nhiều triển vọng: năm 2000 mới đạt 273,7 triệu USD; năm 2007 đã đạt 750 triệu USD. Đó là chưa kể mặt hàng gỗ và đồ gỗ mỹ nghệ, năm 2007 có tiến

bộ vượt bậc, đạt kim ngạch xuất khẩu 2,365 tỷ USD. Cả nước có khoảng 2.000 doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, riêng Tỉnh Bình Dương có đến 200 doanh nghiệp là trung tâm sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của cả nước. Năm 2006, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ sang Hoa Kỳ đạt 744 triệu USD, chiếm tới 39% kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ cả nước, tiếp đó là thị trường EU được 500 triệu USD.

Nhiều nước ưa chuộng hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam vì những kiểu dáng độc đáo, từ hàng thủ công mỹ nghệ như đồ gốm sứ, hàng thổ cẩm, mây tre đan, trau chốt bằng bàn tay khéo léo của nghệ nhân đến những sản phẩm nội thất bằng gỗ, đá mỹ nghệ làm đẹp thêm những ngôi nhà và những tượng đá tôn thêm vẻ đẹp của những công viên. Mỗi sản phẩm thủ công mỹ nghệ đều mang bản sắc văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm về thẩm mỹ, tư tưởng, đặc điểm nhân văn, trình độ khoa học kỹ thuật rất độc đáo của dân tộc Việt Nam. Hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu mang trong mỗi sản phẩm tinh hoa văn hóa của dân tộc ta, đóng góp vào kho tàng văn hóa của nhân loại, làm phong phú thêm văn hóa thế giới. Chúng ta đang cố gắng vừa giới thiệu với bạn bè thế giới những sản phẩm độc đáo mang truyền thống dân tộc, vừa sáng tạo thêm những mẫu mã mới theo thị hiếu tiêu dùng của khách hàng từng châu lục, từng nước, kể cả trong từng thời vụ.

3.4. Bảo tồn, chấn hưng và phát triển làng nghề không chỉ là phát triển kinh tế theo ý nghĩa thông thường, mà còn là phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc trong tăng trưởng kinh tế

Trong làng nghề, đã tồn tại từ lâu đời các ngành nghề truyền thống rất đặc biệt, gắn với trí thông minh, bàn tay khéo léo và kỹ thuật tinh xảo của các nghệ nhân được lưu truyền từ hàng trăm năm nay đang được gìn giữ, kế thừa, khôi phục. Có những sản phẩm còn mang dấu ấn thời đại, đặc điểm làng nghề, phong cách nghệ nhân khá đậm nét. Cũng là gốm sứ, nhưng gốm Chu Đậu có những giá trị nổi bật, gốm sứ Bát Tràng khác với gốm sứ Móng Cái, gốm Chăm, gốm Bình Dương ... Mỗi làng nghề đều có lịch sử phát triển, có sản phẩm vật thể và phi vật thể truyền thống, có những nghệ nhân tiêu biểu. Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ bằng đồng nặng 220 tấn (do 60 nghệ nhân hai xã Yên Xá và Yên Tiến thuộc Huyện Ý Yên tỉnh Nam Định chế tạo), hoàn thành vào dịp kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên năm 2004 là một kiệt tác minh chứng cho tài năng của nghệ nhân nước ta. Làng Gốm Chăm Bầu Trúc (tỉnh Ninh Thuận) đã đắp hai chiếc bình gốm vào loại cao nhất nước hiện nay, bên ngoài là phù điêu các điệu múa quạt hoặc vũ điệu Apsara, giữa năm 2005 đã được trưng bày ở Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá cao. Đã có những sáng tạo rất đặc biệt trong việc sử dụng nguyên liệu tại chỗ

là ra những sản phẩm độc đáo mang sắc thái địa phương, như ở Bến Tre, nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ dùng làm vật dụng hàng ngày và đồ trang sức từ cây dừa. Một nghệ nhân ở Thị xã Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) đã làm bình hoa cao 3,6 mét được ghép bằng 200.000 mảnh gáo dừa, bề mặt trang trí hoa văn ghi lại những truyền thuyết lịch sử. Làng nghề rượu Phú Lễ (Ba Tri, Bến Tre) đã khôi phục loại rượu truyền thống có từ thời Vua Tự Đức. Chúng ta cũng ghi nhận những sáng tạo mới nhất của các nghệ nhân như: làm tranh bằng chất liệu đá quý, làm tranh từ vỏ ốc, tranh từ hoa và lá khô, từ tre hun khói, v.v...

3.5. Làng nghề giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch văn hoá giới thiệu với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế những đặc trưng văn hoá, phong tục tập quán của mỗi dân tộc, mỗi làng nghề, làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch

Đã có nhiều khu du lịch kết hợp với làng nghề, hình thành những làng nghề du lịch, những điểm và các tuyến du lịch làng nghề, tạo ra những sản phẩm du lịch ngày càng hấp dẫn. Khách du lịch được tận mắt chiêm ngưỡng những tác phẩm tiêu thủ công thể hiện bản sắc của từng dân tộc. Chúng ta đang cố gắng kết hợp việc bán hàng thủ công mỹ nghệ làm hàng lưu niệm cho du khách - với những mặt hàng thường xuyên cải tiến, kết hợp với giới thiệu công nghệ chế tác tại chỗ, để du khách có thể hiểu được quy trình sản xuất cũng như tay nghề khéo léo của nghệ nhân; du khách cũng có thể được hướng dẫn để tự mình chế tác một sản phẩm làm kỷ niệm. Có thể ví dụ những nơi đã thành công như Trung tâm xúc tiến thương mại du lịch làng nghề ở Mạo Khê (Quảng Ninh) do Công ty Quang Vinh chủ trì dưới sự bảo trợ của Hiệp hội làng nghề Việt Nam; hoặc như Làng nghề đèn lồng Hà Linh (Hội An, Quảng Nam). Nhiều làng nghề cũng đang xúc tiến xây dựng các phòng trưng bày, nhà truyền thống giới thiệu với du khách lịch sử hình thành làng nghề và phát triển của các sản phẩm mang đặc sắc địa phương. Nhiều vấn đề về bảo tồn không gian làng nghề, kết hợp du lịch làng nghề với quần thể kiến trúc địa phương (đền, chùa, miếu, nơi thờ các vị tổ nghề), mở mang đường giao thông, khắc phục ô nhiễm môi trường, v.v... cũng đang được các làng nghề chú trọng xử lý.

Đã có nhiều lễ hội kết hợp du lịch làng nghề được tổ chức khá thành công. Tỉnh Hà Tây - "đất trăm nghề" đã nhiều năm tổ chức thành công Lễ hội du lịch làng nghề truyền thống từ năm 2001, đồng thời đầu tư 124 tỷ đồng thực hiện Dự án Đường du lịch làng nghề, đưa khách du lịch và làng nghề xích lại gần nhau. Khu du lịch "Một thoáng Việt Nam" đang được xây dựng tại Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) hứa hẹn giới thiệu những làng nghề

tiêu biểu, thu hút du khách với những công trình kiến trúc, những sản phẩm mới tạo bằng những nguyên liệu độc đáo. Tại Liên hoan Văn hóa-Du lịch Đà Nẵng (đầu tháng 7 năm 2004), 12 làng nghề tiêu biểu của cả nước đã đem đến cho du khách những khám phá bất ngờ, thú vị về tiềm năng sáng tạo của thợ thủ công mỹ nghệ Việt Nam. Hội chợ ẩm thực làng nghề Quy Nhơn (tháng 8 năm 2008) và Hội chợ làng nghề Bến Tre (tháng 1 năm 2009) do Hiệp hội làng nghề Việt Nam cùng phối hợp với địa phương tổ chức đã góp phần giới thiệu và tôn vinh những tài năng quý báu của đội ngũ làng nghề và nghệ nhân.

II. NHIỆM VỤ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Làng nghề với công cuộc xây dựng nông thôn mới

Làng nghề nước ta cùng với cả nước đang bước vào thời kỳ mới: phát triển và hội nhập. Trong xu hướng phát triển kinh tế-xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các làng nghề phải giữ lại truyền thống, bảo tồn và phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống; mặt khác, lại phải thích ứng với yêu cầu của cuộc sống văn minh hiện đại, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, vừa phát triển kinh tế vừa chú trọng phát triển xã hội, bảo vệ môi trường... bảo đảm sự phát triển làng nghề một cách bền vững.

Công cuộc phát triển làng nghề trong điều kiện mới gắn chặt với yêu cầu phát triển nông thôn mới. Chính là trên cơ sở phát triển nông thôn mới mà làng nghề tìm được hướng phát triển rộng mở nhằm phục vụ công cuộc phát triển nông thôn mới; và ngược lại, chính việc phát triển thêm nhiều nghề, nhiều làng nghề sẽ làm cho nông thôn mới nước ta thể hiện rõ bản sắc văn hóa của mình, vừa rất hiện đại, lại vừa rất "Việt Nam".

Theo nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới, nông thôn hiện đại chính là: (1) Một dạng tổ chức và vận hành cuộc sống có nhiều ưu việt, trong đó có những đô thị và thị trấn văn minh với những nét văn hóa truyền thống của làng xã; là một địa bàn có thể mạnh để giữ gìn và tô điểm cho môi trường sinh thái; (2) Nông thôn là một không gian rộng lớn, có kinh tế và đời sống phát triển, tại đó con người được sống gắn bó, hài hòa với thiên nhiên; (3) Nông thôn là một nơi nghỉ ngơi lành mạnh, một nguồn giải trí phong phú, một vùng du lịch đa dạng, một cõi yên tĩnh, thanh bình để con người khôi phục và tăng cường sức sống sau những giờ phút mệt mỏi, căng thẳng trong đời thường.

Trong xu hướng phát triển nông thôn mới trên thế giới, ngày nay, môi trường sinh thái, văn hóa truyền thống đang trở thành lợi thế so sánh quan trọng của mỗi quốc gia trong quá trình toàn cầu hóa để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, mở mang du lịch. Nông thôn không chỉ còn là nơi cư trú của cư dân nông nghiệp lấy nghề nông làm chính, mà đã có thêm nhiều ngành nghề mới, từ sản xuất đến kinh doanh, dịch vụ, phục vụ cho cư dân nông thôn và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Đã có nhiều hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, từ hộ gia đình, tổ sản xuất, đến doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn ... Những tổ chức này phát triển thiếu quy hoạch (đang gây ra ô nhiễm môi trường rất đáng báo động), cũng lại đang thiếu sự liên kết trong sản xuất, đầu tư, cũng như trong tiêu thụ sản phẩm, trong đó, điều quan trọng nhất là thiếu sự phối hợp trong việc định hình và tạo dáng cho sản phẩm, bảo đảm vừa giữ được nét đẹp truyền thống của sản phẩm, lại vừa tiếp thu những ý tưởng mới, những yêu cầu mới của người tiêu dùng, làm phong phú thêm bộ sưu tập sản phẩm truyền thống. Văn hóa làng nghề truyền thống, do đó, chưa được xác lập; thương hiệu của làng nghề cũng như của mỗi sản phẩm đặc trưng của làng chưa được chú trọng xây dựng.

Trong xu hướng hiện đại hóa nông thôn, các làng nghề không chỉ có sản xuất, kinh doanh, mà còn là nơi tổ chức sinh hoạt cộng đồng, mang sắc thái văn hóa riêng biệt đặc trưng của từng làng, từng dòng họ, từng vùng; do đó, bao gồm hệ thống các công trình văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm chất lượng sống của cư dân nông thôn. Làng nghề truyền thống chuyên sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ kết hợp với du lịch sinh thái - nhân văn, từ đó, hình thành các đô thị nhỏ, cũng tức là kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại, là nét đẹp riêng của mỗi làng nghề trong quá trình phát triển

2. Cơ hội và thách thức

Trong tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế vừa tạo ra những cơ hội, vừa đặt ra những thách thức đối với các doanh nghiệp làng nghề như sau.

Về cơ hội, đó là (1) Nhờ cam kết, nhất là cam kết trong WTO, hệ thống pháp luật được hoàn chỉnh, tính công khai, minh bạch rõ ràng hơn, thể chế kinh tế thị trường được khẳng định và môi trường kinh doanh ngày càng thông thoáng hơn. Đây là tiền đề rất quan trọng để Nhà nước thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, các doanh nghiệp làng nghề có điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh. (2) Thị trường được mở rộng, các doanh nghiệp làng nghề có điều kiện đưa hàng hóa thủ công mỹ nghệ và dịch vụ của mình vào các nước tham gia hiệp định đã cam kết với mức thuế đã cắt

giảm. Điều này tạo điều kiện cho làng nghề mở rộng khả năng sản xuất, mở rộng quy mô đầu tư; (3) Doanh nghiệp làng nghề không bị phân biệt đối xử trong các vụ tranh chấp thương mại nhờ có cơ chế giải quyết tranh chấp chung (nhất là sau khi kinh tế nước ta được công nhận là nền kinh tế thị trường).

Về thách thức, đó là (1) Cạnh tranh sẽ diễn ra rất gay gắt: ngay trên thị trường nước ta, sẽ xảy ra cạnh tranh giữa sản phẩm của doanh nghiệp làng nghề nước ta với sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài, giữa doanh nghiệp làng nghề nước ta với doanh nghiệp nước ngoài. Cũng sẽ có cạnh tranh giữa chính phủ nước ta với chính phủ các nước trong việc tạo ra tiền đề, các điều kiện tốt nhất cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất và đầu tư, (2) Khoảng cách giàu nghèo sẽ doãng ra; một số doanh nghiệp lâu nay hoạt động theo cơ chế cũ hoặc quản lý kém cỏi nay không chịu nổi sức ép của cạnh tranh, sẽ phá sản; một số công nhân trình độ thấp sẽ mất việc làm; (3) Tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, giữa các nền kinh tế sẽ ngày càng gia tăng; sự biến động của thị trường thế giới sẽ tác động rất mạnh đến thị trường trong nước, như hiện nay, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đang tác động đến kinh tế nước ta.

Tuy vậy, những cơ hội và thách thức ấy đan xen, tác động lẫn nhau và có thể chuyển hóa lẫn nhau, trong đó có những thách thức lại tạo ra cơ hội; vì vậy, doanh nghiệp làng nghề cần biết nắm cơ hội để vượt qua khó khăn, thách thức và vươn lên, tiếp tục phát triển.

3. Những vấn đề mới

Trong quá trình phát triển, các làng nghề đang gặp nhiều khó khăn, yếu kém; có những khó khăn do bản thân làng nghề và cũng có những khó khăn do thời kỳ mới đặt ra, nhất là trong hội nhập kinh tế quốc tế, với nhiều cơ hội mới đan xen thách thức mới.

3.1. Những khó khăn, yếu kém chủ yếu của làng nghề hiện nay:

Một là, thiếu vốn cho sản xuất, kinh doanh. Đây đang là một khó khăn lớn của các doanh nghiệp làng nghề. Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của 38 tỉnh, thành, hiện tại đã có 9 làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ và chế biến bảo quản nông lâm thủy sản bị phá sản; 124 làng nghề hoạt động cầm chừng; 2.166 hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tuyên bố phá sản; 448 doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất kinh doanh cầm chừng. Một trong những nguyên nhân gây nên khó khăn của làng nghề là tình trạng thiếu vốn hoạt động. Mặc

dù Nghị định 151/2006 của Chính phủ đã quy định hoạt động đầu tư và làm hàng xuất khẩu được vay vốn tín dụng đầu tư và vốn tín dụng xuất khẩu, nhưng thực tế, hầu hết các đơn vị không vay được vốn bởi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất và cơ sở sản xuất làng nghề làm hàng xuất khẩu chủ yếu xuất ủy thác qua các công ty xuất nhập khẩu địa phương hoặc ngành hàng. Một số đơn vị tiếp cận được với nguồn vốn ưu đãi nhưng số tiền vay được rất ít, chỉ như muối bỏ biển.

Bên cạnh đó, thời gian gần đây, để thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, nhiều ngân hàng phải xiết chặt tiền tệ, hạn chế cho vay. Trước yêu cầu bức xúc của doanh nghiệp làng nghề, một số ngân hàng đã có động thái quan tâm hơn đến việc cho vay đối với loại hình doanh nghiệp này; nhưng trên thực tế, các điều kiện để được vay lại khắt khe hơn rất nhiều, từ việc đánh giá các tài sản thế chấp, cầm cố thường quá thấp so với thực tế, việc xem xét phương án kinh doanh và khả năng hoàn trả vốn càng chặt chẽ hơn trước, v.v... Trước tình hình tín dụng chính thức khó khăn, tín dụng "đen" đã xuất hiện, buộc doanh nghiệp làng nghề vay nóng với mức lãi suất rất cao. Có những doanh nghiệp buộc phải vay khi đáo hạn để "đào nợ", nếu không thì tài sản sẽ bị xiết nợ, càng nguy ngập thêm.

Hai là, các khó khăn về thị trường tiêu thụ:

(i) Thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp. Từ khi gia nhập WTO, làng nghề truyền thống Việt Nam đã phát triển mạnh, có những làng nghề thất truyền đã được khôi phục, làng nghề cũ được phát triển mạnh hơn. Năm 2008, kim ngạch của làng nghề ước đạt khoảng 850 triệu USD. Tuy nhiên, bước sang năm 2009 các làng nghề đã gặp phải rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu. Thị trường của các làng nghề bị thu hẹp, không tìm kiếm được các đơn hàng mới, nhiều đơn hàng đã ký nay buộc phải hủy bỏ hoặc bị dãn tiến độ vì khách hàng không có khả năng thanh toán.... Sức tiêu thụ trên thị trường trong nước cũng giảm sút nặng nề. Các sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ. các làng nghề đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nhức nhối, không ít làng nghề trong thời gian qua đã dần thoát ly sản xuất nông nghiệp, nay lại phải cố gắng quay về với nghề nông “truyền thống”.

(ii) Hầu hết các làng nghề Việt Nam có ít kinh nghiệm trong việc tiếp cận thị trường. Nhiều doanh nghiệp làng nghề còn rất yếu trong các hoạt động thăm dò, tìm hiểu thông tin thị trường. Doanh nghiệp làng nghề chưa có đủ kinh nghiệm nghiên cứu thị trường, nhất là thị hiếu của người tiêu dùng về mẫu mã. Đang có khá nhiều doanh nghiệp làm hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu qua trung gian ở các thành phố lớn, không trực tiếp giao dịch

với người tiêu thụ, do đó bị thiệt thòi trong giá cả, nhiều khi phải chấp nhận giá mua thấp của doanh nghiệp trung gian.

Nhiều làng nghề chưa chủ động phân khúc thị trường, chưa hướng vào một thị trường cụ thể để chiếm lĩnh nó và có sự thay đổi mẫu mã kịp thời theo yêu cầu của người tiêu dùng luôn tìm sự mới mẻ. Ví dụ như những năm trước đây, người tiêu dùng Nhật Bản ưa chuộng hàng thủ công mỹ nghệ nước ta, nhưng đến nay, họ không mặn mà nữa, vì hàng của ta thiếu có sự thay đổi mẫu mã phù hợp với các mùa trong năm. Do đó, vòng đời của một sản phẩm thường rất ngắn. Hoặc như khách hàng người Mỹ thích dùng hàng tốt, thân thiện với môi trường, nhưng lại không chấp nhận sự tăng giá. Đối với các nhà nhập khẩu lớn của Thị trường chung châu Âu, họ quan tâm đến dịch vụ mà các doanh nghiệp cung cấp, như: đơn hàng có được sản xuất đúng thời hạn không, tính linh hoạt, các vấn đề hậu cần cũng như các tiêu chuẩn về môi trường. Đối với thị trường châu Phi và Tây Nam Á, các doanh nghiệp cũng chưa quan tâm tìm hiểu những đặc điểm về văn hóa của khu vực này.

Ba là, các làng nghề Việt Nam chịu nhiều áp lực từ vấn đề lao động – việc làm:

(i) Tình trạng thất nghiệp ra tăng. Cả nước hiện có khoảng 2.790 làng nghề truyền thống, thu hút và giải quyết việc làm cho khoảng 11 triệu lao động. Tuy nhiên, thống kê của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam cho thấy, hiện, có khoảng 60% DN làng nghề đang phải cầm cự, 20% đang thoi thóp, đi cùng với đó là nguy cơ hàng triệu lao động tại các làng nghề có thể mất việc làm. Theo nhận định của Hiệp hội năm 2009 có khoảng 5 triệu lao động sẽ thất nghiệp. Đó là những lao động chủ yếu làm trong các ngành nghề thủ công như gốm sứ, mộc, gỗ, mây tre đan... Không chỉ thế, làng nghề còn đang đứng trước yêu cầu tạo thêm việc làm cho một lực lượng lao động thất nghiệp không nhỏ chạy về từ thành thị, từ các khu công nghiệp, khu chế xuất... do tình hình khó khăn chung của kinh tế trong nước và trên thế giới; do chi tiêu đắt đỏ, công việc không ổn định, họ buộc phải trở về quê để kiếm làm việc.

Không có việc làm, không có thu nhập, đời sống gia đình sẽ khó khăn, sức mua sẽ giảm... ảnh hưởng đến các mặt hoạt động văn hoá - xã hội, gây áp lực lớn đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

(ii) Thiếu lao động có tay nghề, thiếu đôi ngũ kế cận. Một khó khăn thực tế của nhiều làng nghề là lao động trẻ, có tay nghề đang rất thiếu; có những làng thanh niên rời làng ra đi kiếm sống bằng các nghề khác, số còn

lại ở nông thôn là những người lớn tuổi. Việc truyền nghề cũng chưa được chú trọng, trong khi các nghệ nhân có tay nghề cao đã lớn tuổi; nhiều cụ thiết tha với nghề, cố gắng truyền nghề cho lớp trẻ nhưng thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích. Chính vì thiếu lao động có tay nghề, đã có những sản phẩm làng nghề không giữ được những nét tinh tế truyền thống, có những mặt hàng mai một; cũng do vậy, việc sáng tạo kiểu dáng, mẫu mã mới thiếu điều kiện triển khai.

Bốn là, môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Nhiều làng nghề đang gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường, đó là (i) ô nhiễm môi trường không khí, do sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất và vật tư trong công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản thực phẩm, trong đó than là nguyên liệu được sử dụng phổ biến và gây ô nhiễm nhiều nhất; (ii) ô nhiễm môi trường nước (nước mặt và nước dưới đất) do nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất, như các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, dệt nhuộm ... (iii) môi trường đất, do các chất thải rắn sinh ra, chủ yếu do các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, làng nghề dệt nhuộm và làng nghề tái chế giấy, nhựa, làng nghề mây tre đan. Ô nhiễm tại làng nghề không chỉ ảnh hưởng trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của cư dân làng nghề mà còn ảnh hưởng lớn đến đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của nhân dân nhiều vùng xung quanh.

Năm là, khó khăn về mặt bằng cho sản xuất. Lâu nay, đất cho doanh nghiệp làng nghề làm mặt bằng cho sản xuất thường được giải quyết bằng nhiều cách, như: (i) phần nhiều là dùng ngay nhà mình làm cơ sở sản xuất (đây là tình hình phổ biến nhất hiện nay), nhưng cũng chính vì thế, những ngành sản xuất gây ra ô nhiễm trong làng nghề đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường của nhân dân trong vùng đang rất khó xử lý; (ii) hoặc thuê, mua của hộ gia đình hoặc cá nhân ở địa phương (nhưng khó khăn lớn nhất là giá thuê đất và việc đền bù, giải phóng mặt bằng); (iii) thuê lại đất của doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước (nhưng giá cao, thời hạn không chắc chắn) và (iv) vào các khu, cụm công nghiệp, nhưng chỉ có một số rất ít doanh nghiệp làng nghề vào được các khu này, vì chi phí cao, khó vào, v.v... Đất cho sản xuất vẫn là một khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp làng nghề hiện nay, không chỉ là khó khăn đối với các doanh nghiệp hiện có trong làng nghề mà còn là khó khăn lớn đối với việc mở mang thêm doanh nghiệp làng nghề. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều địa phương chưa có quy hoạch cụ thể, một số vùng đất có vị trí thuận tiện đã được phân cho các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Sáu là, kiểu dáng, mẫu mã chậm đổi mới. Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của làng nghề hiện nay thường theo mẫu mã sẵn có, ít sáng tạo mẫu mã mới; thậm chí đang có nhiều doanh nghiệp cùng sản xuất một loại mẫu mã (như túi xách, hàng thổ cẩm, đồ sành sứ ...) gây ra cảm giác nhàm chán; khách hàng không có nhiều mặt hàng để lựa chọn. Thực tế cho thấy nếu doanh nghiệp cứ sao chép, rập khuôn, bắt chước kiểu dáng của các doanh nghiệp khác hoặc của nước ngoài, thì sẽ gặp những vấn đề rắc rối về sở hữu trí tuệ. Một số mặt hàng được sản xuất theo mẫu thiết kế của nước ngoài đặt hàng có thuận lợi là giải quyết được yêu cầu về thị trường, nhưng sẽ làm giảm sút ý tưởng sáng tạo của nghệ nhân và các thợ trong làng nghề. Do vậy, để tồn tại và phát triển, thích nghi với yêu cầu của thị trường, sản phẩm làng nghề phải một mặt, duy trì, phát triển những mặt hàng đã thành truyền thống, thể hiện tinh hoa văn hóa nước ta, nhưng mặt khác, không thể không tiếp tục đổi mới kiểu dáng, mẫu mã, nâng cao sức cạnh tranh với hàng thủ công mỹ nghệ nước khác bằng sự sáng tạo, bàn tay khéo léo, tài hoa của thợ thủ công Việt Nam.

Bảy là, trình độ công nghệ lạc hậu Trình độ công nghệ thấp, lạc hậu làm cho năng suất lao động của sản phẩm làng nghề quá thấp, chất lượng sản phẩm khó được nâng cao và giá thành sản phẩm cũng khó hạ thấp. Song điều quan trọng đáng quan tâm nhất là nhiều làng nghề vẫn đang áp dụng công nghệ lạc hậu mà đây lại là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề trong làng nghề hiện nay. Có thể ví dụ như các làng nghề chế biến thực phẩm, sản xuất gốm sứ, chạm mạ bạc, mây tre đan, sơn mài, điêu khắc đá mỹ nghệ ... hầu hết các sản phẩm đều được sản xuất theo quy trình thủ công bằng các dụng cụ thô sơ tự chế, từ đó phát sinh các chất ô nhiễm; trong đó nghề chế tác đá tạo ra một lượng lớn bụi nguy hại, hoặc như làng nghề mây tre đan sử dụng lưu huỳnh để sấy sản phẩm cũng gây ô nhiễm.

Tám là, trình độ quản lý doanh nghiệp thấp. Phần lớn doanh nghiệp làng nghề được hình thành từ các hộ gia đình, dần tiến lên các loại hình tổ sản xuất, công ty, doanh nghiệp tư nhân ... đã có những doanh nghiệp làng nghề thành đạt, quy mô kinh doanh lớn hàng trăm lao động và doanh thu hàng chục tỷ đồng do chủ doanh nghiệp đã chịu khó mày mò, học tập, tích lũy được nhiều kinh nghiệm và từ đó trưởng thành trong kinh doanh. Song chủ doanh nghiệp khởi sự kinh doanh chủ yếu bằng sự năng nổ, nhiệt tình đầu tư, nhiều người chưa được học tập bài bản qua các trường lớp về quản trị kinh doanh; doanh nhân làng nghề thường kinh doanh theo kinh nghiệm, qua học hỏi bạn bè và một phần qua những buổi học tập chuyên đề. Trong số chủ

doanh nghiệp làng nghề, có khoảng 20% trưởng thành từ trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh (theo kiểu cha truyền con nối); 63% chưa qua các trường lớp đào tạo chính quy; chỉ có khoảng 17% có kiến thức về kinh tế, thương mại qua các trường lớp chính quy. Họ cũng không có nhiều thời giờ theo học các trường lớp dài hạn vì phải tập trung cho hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, phương thức kinh doanh cũng khá đơn giản, tùy tiện, nhất là quản lý tài chính, quản lý nhân sự và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất cũng như vào công tác quản lý doanh nghiệp. Do trình độ quản lý còn thấp, hiệu quả kinh doanh kém, cho nên đang khó mở rộng kinh doanh, tiếp cận thị trường.

3.2. Hướng bảo tồn và phát triển

Đứng trước tình hình mới do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường (thị trường trong nước và thị trường nước ngoài), để tồn tại và phát triển, các làng nghề đang cần sự lựa chọn. Nhiều nhà nghiên cứu đã phân chia các làng nghề thành bốn loại với hướng bảo tồn và phát triển như sau.

(1) Những làng nghề có thị trường ổn định, có triển vọng phát triển. Đó là những làng nghề có sản phẩm đáp ứng những nhu cầu rộng rãi của người tiêu dùng, lại có sẵn nguồn nguyên liệu, có đội ngũ lao động lành nghề, có bí quyết nghề nghiệp, bí quyết kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Đó là các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến gỗ, mây tre, vật liệu xây dựng, chạm khắc, v.v...

(2) Những làng nghề phát triển cầm chừng, thị trường thiếu ổn định. Đó là những ngành nghề có sản phẩm mà nhu cầu của thị trường bị hạn chế lại đang đang biến động,, thường là loại sản phẩm chậm được đổi mới về mẫu mã, sản phẩm đơn điệu. Đó là các ngành sản xuất sản phẩm đất nung, đồ sành, rèn, đúc đồng, v.v...

(3) Những làng nghề đang gặp khó khăn, nhưng vẫn có cơ hội phát triển. Đó là những sản phẩm truyền thống đã một thời phát triển khá, nhưng rồi thị trường có biến động, sản xuất bị thu hẹp, nhưng đang có triển vọng phục hồi. Đó là những sản phẩm như giấy dó, thổ cẩm, ...

(4) Những làng nghề đang trong quá trình suy vong do thị trường bị thu hẹp đáng kể. Đó là những làng nghề làm giấy sắc, dệt quai thao, làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, Hàng Trống nay chỉ còn vài ba gia đình nghề nhân đang cố giữ nghề). Làng hoa giấy Thanh Tiên (Phú Vang, Huế) có từ ba mươi năm nay đang bị những loại hoa làm bằng giấy kẽm, vải, lụa, nhựa (trong nước và nước ngoài) cạnh tranh gay gắt, có nguy cơ không tồn tại nổi.

Những làng này có thể được bảo tồn, giữ làm điểm du lịch văn hóa làng nghề.

Vì vậy, rất cần nghiên cứu, phân tích kỹ mặt mạnh, mặt yếu của từng sản phẩm, từng nhóm sản phẩm làng nghề, tìm hiểu khả năng phát triển thị trường của từng nhóm, để từ đó đề ra chiến lược, chủ trương và giải pháp bảo tồn và phát triển từng nhóm sản phẩm làng nghề phù hợp với yêu cầu của thị trường trong tình hình mới của sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế ngày nay.

3.3. Khó khăn trước mắt

Trong thời gian từ cuối năm 2007 đến nay, do tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu và những yếu kém của bản thân, nền kinh tế nước ta đang gặp những khó khăn to lớn trên bước đường phát triển: lạm phát tăng cao, giá cả leo thang, sản xuất khó khăn, đời sống người lao động vất vả ... Chính phủ đã đề ra tám nhóm giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Việc thực hiện các giải pháp đó đã mang lại kết quả bước đầu, tình hình kinh tế đang có một số diễn biến tích cực; tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa thật bền vững.

Từ mấy tháng cuối năm 2008, nền kinh tế đã có những biểu hiện suy giảm, như tốc độ tăng trưởng GDP, tốc độ giá trị sản lượng công nghiệp, tốc độ xuất khẩu, tốc độ hàng bán lẻ và dịch vụ, chỉ số giá cả, v.v... đều chậm lại. Trong khó khăn chung của nền kinh tế, các doanh nghiệp làng nghề mà chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa vốn còn non yếu lại có những mặt khó khăn nhiều hơn. Một số doanh nghiệp làng nghề lỗ nặng, có nguy cơ phá sản.

Trước tình hình mới, Chính phủ đã đề ra năm nhóm giải pháp để ngăn chặn; đó là (1) Thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu; (2) Kích cầu vào đầu tư và tiêu dùng; (3) Thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ linh hoạt; (4) Đảm bảo an sinh xã hội; (5) Tổ chức, chỉ đạo điều hành năng động, quyết liệt. Nhiều giải pháp cụ thể trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đó có doanh nghiệp làng nghề đã được thi hành, như giảm thuế, giãn thời gian nộp thuế, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng, v.v... Sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chắc chắn sẽ có tác động tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp làng nghề vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Dưới đây là một số biện pháp chủ yếu để bảo tồn và phát triển làng nghề trong điều kiện mới, vừa nhằm giải quyết những khó khăn trước mắt, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bảo tồn và phát triển doanh nghiệp

làng nghề, làng nghề trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một là, các giải pháp về thị trường và sản phẩm:

(i) *Mở rộng thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm.* Khó khăn nhất và cấp bách nhất đối với các làng nghề Việt Nam là vấn đề về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, nhiều sản phẩm sản xuất ra nhưng không bán được, tỷ lệ hàng tồn kho lớn. Do đó, để tháo gỡ khó khăn cho các làng nghề, trước hết cần tập trung vào tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm, đẩy mạnh kích cầu trong nước. Đây là vấn đề sống còn của làng nghề. Do thị trường thế giới ngày càng thu hẹp trong khi các sản phẩm của làng nghề xuất khẩu chiếm tới 70% thị phần, nên trước mắt cần phải hướng tới thị trường nội địa. Ngoài ra, cần thiết lập hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, đưa các sản phẩm làng nghề vào các siêu thị cũng như đẩy mạnh phát triển du lịch làng nghề...

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, nhằm giới thiệu và tiếp cận thị trường trong nước. Đồng thời, Chính phủ, hiệp hội và các doanh nghiệp phải nghiên cứu mở rộng xuất khẩu vào các thị trường khác như thị trường EU, Đông Nam Á.... Về lâu dài, Nhà nước nên đầu tư kinh phí cho khoa học nghiên cứu dự báo về thị trường làng nghề, cơ cấu nguyên liệu, sản phẩm, giá thành, giá bán sản phẩm...nhằm giúp các doanh nghiệp, các làng nghề có thể chủ động hơn trong việc đối phó với các diễn biến của tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới.

(ii) *Xây dựng chiến lược thị trường, chiến lược mặt hàng.* Chiến lược thị trường, chiến lược mặt hàng được xây dựng đúng đắn là căn cứ để tổ chức sản xuất: lựa chọn công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý, đào tạo nhân lực, v.v... bảo đảm sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tiễn cho thấy việc xây dựng chiến lược thị trường cần dựa trên ba căn cứ sau đây: (1) lợi thế so sánh dài hạn, tức là lợi thế của sản phẩm trong thời gian dài so sánh với các sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác trong nước và ngoài nước; đối với sản phẩm thủ công mỹ nghệ đang có nhiều mẫu mã kiểu dáng trùng lặp, thì đây là một yếu tố rất quan trọng khi xác định chiến lược, để bảo đảm duy trì lâu dài lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; (2) quy mô kinh tế trên tầm nhìn liên vùng, trong quan hệ liên kết với các doanh nghiệp khác trong làng nghề hoặc ngoài làng nghề trong địa phương; tạo điều kiện giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm hoặc dịch vụ; (3) dung lượng thị trường, tức là tính đến từng phân khúc thị trường và khả năng tiêu thụ của thị trường, tránh các vụ kiện tụng về bán phá giá.

Việc xây dựng chiến lược thị trường, chiến lược mặt hàng phải do từng doanh nghiệp làng nghề tiến hành, song điều rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định là sự hướng dẫn, định hướng của các cơ quan chức năng; bởi vì từng doanh nghiệp rất khó nắm bắt được nhu cầu của thị trường, nhất là thị trường ngoài nước.

Chú trọng hơn nữa việc xây dựng và quảng bá thương hiệu của mỗi làng nghề, mỗi sản phẩm làng nghề để tôn vinh hình ảnh sản phẩm truyền thống của dân tộc, đồng thời qua đó, kích lệ tâm tư, tình cảm của mỗi người lao động, mỗi nghệ nhân làng nghề phát huy lòng tự tôn dân tộc, tinh thần yêu nước bằng cách làm ra nhiều sản phẩm đẹp, mang đậm đà bản sắc thương hiệu quê hương. Kinh nghiệm cho thấy việc xây dựng được thương hiệu đã khó, song việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy thương hiệu còn khó hơn nhiều; vì vậy, cần đặc biệt coi trọng chất lượng sản phẩm, khắc phục tệ làm hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái.

Cần nhấn mạnh rằng việc khôi phục và phát triển sản phẩm hàng hóa làng nghề phải thấm nhuần và thể hiện cho được phương châm "hiện đại hóa truyền thống" và "truyền thống hóa hiện đại". Mỗi sản phẩm làng nghề không đơn thuần là sản phẩm thủ công, mà trong đó là tâm hồn, trí tuệ của nghệ nhân, là truyền thống văn hóa của làng, là sản phẩm của bàn tay kỳ diệu được truyền nối từ nhiều đời. Các yếu tố truyền thống, tinh hoa, bản sắc dân tộc in đậm trên những sản phẩm thủ công mỹ nghệ dựa vào đôi tay khéo léo của nghệ nhân - người thợ cần được bảo tồn; không nên vì chạy theo thị hiếu người tiêu dùng một cách đơn giản, thô thiển mà làm mất đi những gì là bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, do nhu cầu thị hiếu và thẩm mỹ của con người luôn biến đổi theo thời gian và địa điểm cụ thể, cho nên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ cũng cần được cải tiến về mẫu mã, kiểu dáng, về kỹ thuật sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu của từng thị trường; coi đây là cách tốt nhất để khẳng định mình và khách hàng sẵn sàng trả giá cao cho những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của họ. Một đại diện của IKEA - một tổ chức phân phối hàng thủ công mỹ nghệ hàng đầu của Thụy Điển đã nhận xét rằng: những mẫu mã chưa ai làm được, với tính độc đáo chưa từng có đúng là một thứ vũ khí thực sự lợi hại và lâu bền trong việc cạnh tranh các sản phẩm thủ công mỹ nghệ hiện nay. Điều này nhắc nhở chúng ta hết sức quan tâm đưa hồn văn hóa dân tộc Việt Nam vào từng sản phẩm làng nghề. Muốn có chỗ đứng lâu bền trên thị trường ngoài nước, ngoài mặt cạnh tranh về kiểu dáng, mẫu mã thì yếu tố sức nặng văn hóa kết tinh trong sản phẩm, thể hiện tâm tư tình cảm của người lao động và mang những nét độc đáo riêng biệt của Việt Nam là đặc biệt quan trọng.

Đồng thời, mỗi nghề, mỗi công đoạn sản xuất của từng sản phẩm làng nghề cần được nghiên cứu để đưa máy móc thiết bị vào sản xuất nhằm đạt năng suất cao nhất. Như vậy, giữ truyền thống không có nghĩa là nệ cổ, là cố hủ, mà tiếp thu hiện đại không phải là lai căng, từ bỏ truyền thống tốt đẹp. Nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ hiện nay đã được các nghệ nhân tìm tòi, sáng tạo, xuất hiện những nghề mới, như ghép tranh, đắp lọ bằng mảnh gáo dừa, vẽ tranh bằng đá quý, làm đồ trang sức bằng gốm, v.v... là những ví dụ rất sinh động, những kinh nghiệm quý cần được phát huy.

Hai là, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch của mỗi địa phương. Các loại quy hoạch cần được tiến hành một cách bài bản, căn cơ, làm căn cứ tin cậy cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh. Quy hoạch phát triển sản xuất phải xuất phát từ lợi thế của từng vùng với nhu cầu của thị trường mà hướng dẫn sự phát triển các ngành nghề có hiệu quả cao nhất; quy hoạch ngành nghề nông thôn cần được gắn với quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo nên những vùng sản xuất tập trung, bảo đảm khắc phục ô nhiễm môi trường và góp phần hình thành nông thôn mới.

Một yêu cầu không kém phần quan trọng là kết hợp phát triển doanh nghiệp với tổ chức lại khu dân cư (gồm các công trình văn hóa, xã hội) tạo nên những đô thị mới quy mô nhỏ, làm đẹp bộ mặt nông thôn, không để "đô thị hóa xóa làng nghề" đã trở thành nguy cơ ở một số địa phương. Quy hoạch phát triển nông thôn cần đồng bộ, từ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội (lấy thôn, xã làm địa bàn chính) đến quy hoạch khu dân cư nông thôn, gắn với quy hoạch đô thị (thị trấn, thị tứ) góp phần bảo đảm cho bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại.

Việc kết hợp giữa các doanh nghiệp với cơ quan khoa học, công nghệ vừa góp phần nâng cao giá trị, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, vừa thực hiện các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, chống ô nhiễm môi trường do các nghề tiểu thủ công gây ra, tạo ra môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn, nâng cao chất lượng sống của cư dân làng nghề.

Trong quy hoạch sản xuất, không chỉ chú trọng phát triển nhiều cơ sở sản xuất mà cần chú trọng phát triển các vùng nguyên liệu bảo đảm nhu cầu mở rộng cơ sở chế biến nông lâm thủy sản. Hiện nay, có nhiều loại như tre, mây, gỗ làm nguyên liệu cho làng nghề đã phải nhập khẩu, do những nguyên nhân như: các nhóm hàng này có tốc độ phát triển nhanh; việc quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu không được chú trọng, tiến hành chậm; cũng do việc khai thác bừa bãi, gây ra cạn kiệt nguyên liệu. Việc nhập khẩu những loại nguyên liệu này đã làm cho giá thành sản phẩm tăng lên, hạn chế sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề.

Ba là, giải quyết yêu cầu về mặt bằng cho các doanh nghiệp làng nghề. Yêu cầu cấp bách nhất hiện nay là đất đai làm mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu duy trì và mở rộng sản xuất; quy hoạch sử dụng đất cần thật cụ thể, ổn định để doanh nghiệp làng nghề có cơ sở tính toán việc thuê đất vào vị trí thuận tiện cho sản xuất, kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp hiện có trong làng nghề, việc di dời những nghề gây ô nhiễm ra khỏi các vùng dân cư là hết sức quan trọng và cấp thiết, để khắc phục ô nhiễm môi trường như trên đã nói. Đối với việc phát triển mới các doanh nghiệp làng nghề thì việc tìm kiếm mặt bằng lại càng cần thiết để hình thành các đô thị mới, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Tuy vậy, đến nay, phần lớn diện tích đất đai ở vị trí thuận lợi đã được giao cho các dự án, lập các khu, cụm công nghiệp, giá đất đã cao, chi phí san lấp, xây dựng kết cấu hạ tầng rất lớn, cho nên các doanh nghiệp làng nghề khó thuê lại mặt bằng ở các khu, cụm công nghiệp. Song cấp đất cho doanh nghiệp làng nghề ở những vùng lẫn với dân cư cũng không được, vì sẽ tiếp tục gây ra ô nhiễm môi trường. Một giải pháp cơ bản để giải quyết khó khăn về mặt bằng cho doanh nghiệp làng nghề là xây dựng các cụm, khu công nghiệp làng nghề. Một số địa phương đã thực hiện chủ trương này, như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Nam Định ... nhưng kết quả chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí để vào các khu, cụm công nghiệp còn cao quá sức của doanh nghiệp làng nghề. Vì vậy, để giải quyết mặt bằng cho các doanh nghiệp làng nghề, cần có chính sách trợ giúp doanh nghiệp trong việc sử dụng kết cấu hạ tầng (như giảm tiền sử dụng đất, giảm thuế và chi phí thuê mặt bằng, trợ giúp chi phí di chuyển cơ sở sản xuất ...) và xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, thực hiện các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường, v.v... để doanh nghiệp có thể sử dụng mặt bằng ở các khu, cụm công nghiệp đã có; hoặc Nhà nước đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho làng nghề, chịu chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng, để doanh nghiệp làng nghề có thể thuê đất với giá thấp nhất.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng. Xây dựng kết cấu hạ tầng là khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới những năm tới để bảo đảm phát triển ngành nghề, làng nghề ở nông thôn. Kết cấu hạ tầng yếu kém, chất lượng kém và xuống cấp đang là một “nút thắt cổ chai” đang hạn chế việc đầu tư phát triển kinh tế của nhiều địa phương, nhất là các vùng nông thôn. Thực trạng đường sá nước ta là chiều dài, chiều rộng đều rất không bảo đảm cho giao thông thông suốt; chất lượng lại kém, tai nạn giao thông xảy ra hàng ngày; có những đoạn mà đường đã được mở nhưng cây cầu vẫn cũ kỹ, v.v... Vận tải đường sông tăng trưởng kém nhất mặc dù nước ta có hệ thống sông

ngồi dày đặc; vận tải biển cũng còn xa mới đáp ứng được yêu cầu. Đến nay, vẫn còn 357 xã (trong tổng số 10.477 đơn vị cấp xã) chưa có đường ô tô đến trung tâm; khá nhiều đường liên tỉnh, liên xã xuống cấp nghiêm trọng mà tiền duy tu, bảo dưỡng không đủ. Về lưới điện, tình hình điện căng thẳng, việc thiếu điện và cắt điện luân phiên đã thành chuyện thường ngày; doanh nghiệp làng nghề lao đao vì cắt điện, gây thêm nhiều tổn kém.

Trước tình trạng đó, việc phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở nông thôn (bao gồm cả giao thông, điện, nước sạch ...) cần được đẩy mạnh, trong đó giao thông nông thôn cần được đặt vào vị trí ưu tiên, bao gồm cả giao thông đường bộ, đường thủy, các tuyến đường liên huyện, liên xã, liên thôn, xóm. Về điện, để phải bảo đảm điện cho sản xuất làng nghề và sinh hoạt của cư dân nông thôn, phải đẩy mạnh việc cải tạo và phát triển mạng lưới quốc gia đi đôi với sử dụng các nguồn năng lượng mới (như thủy điện); đa dạng hóa trong đầu tư điện ở nông thôn.. Thực tế cho thấy, đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng đòi hỏi vốn rất lớn, thời gian xây dựng lâu, nếu chỉ dựa vào vốn nhà nước thì sẽ còn khó khăn, không thể đáp ứng kịp yêu cầu; do đó, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn phải được đẩy mạnh cùng với sự huy động vốn của nhân dân nông thôn, của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, bằng nhiều phương thức đầu tư (như BOT, PPP ...). Song muốn vậy, phải có những chính sách khuyến khích kêu gọi đầu tư hấp dẫn.

Năm là, phát triển thêm nhiều doanh nghiệp làng nghề. Doanh nghiệp làng nghề hiện có cần được củng cố và đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh, gắn bó giữa cung ứng nguyên vật liệu với thiết kế mẫu mã, tiến hành sản xuất, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm (nhất là xuất khẩu), quảng bá thương hiệu ... Thị trường nông thôn đang rất cần thêm nhiều doanh nghiệp làng nghề, coi đây là giải pháp chủ yếu để xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân nông thôn. Các cơ quan chức năng cần cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách hành chính trong việc đăng ký kinh doanh, bổ sung các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển thêm nghề, mở thêm doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn.

Cần thực hiện Chương trình “Mỗi làng một nghề” (còn gọi là “Mỗi làng một sản phẩm”) để tăng thêm nghề, phát triển làng nghề, đa dạng hóa kinh tế nông thôn, chuyển các hộ thuần nông thu nhập thấp thành những hộ kinh doanh đa ngành nghề, có người làm nông nghiệp, có người làm công nghiệp và dịch vụ có thu nhập cao. Đối với nơi đã có nghề, Nhà nước lập dự án phát triển nghề hiện có, cấy thêm nghề mới, nhân rộng ra nhiều hộ trong làng. Đối với nơi chưa có nghề, Nhà nước lập quy hoạch ngành nghề, quy hoạch mặt bằng, xây dựng kế hoạch, dự án phát triển, tìm hiểu thị trường,

liên kết với các cơ sở nghề để đào tạo tay nghề, hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng (nhất là đường giao thông, điện, cấp thoát nước), tiếp thị, lựa chọn hộ có điều kiện để phát triển nghề, từng bước hình thành các cơ sở sản xuất mới ở địa phương.

Việc phát triển doanh nghiệp làng nghề trước hết nhằm mục tiêu phát triển thêm nhiều sản phẩm, nhất là những sản phẩm mang đậm bản sắc dân tộc. Cần xây dựng mỗi làng nghề truyền thống thành một điểm du lịch sinh thái xanh, du lịch làng nghề với những lễ hội mang nét văn hóa dân gian của từng làng. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa các doanh nghiệp, các nhà văn hóa, nhà nghiên cứu lịch sử, nhà quản lý cùng cơ quan khoa học, công nghệ.

Doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn có thể bao gồm nhiều loại hình tổ chức, từ hộ kinh doanh đến các loại công ty và doanh nghiệp tư nhân, nhưng cần khuyến khích phát triển loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực kinh tế dân doanh. Để tăng sức mạnh trên thị trường, thực hiện được các hợp đồng lớn với các đối tác nước ngoài, cần mở rộng liên kết, liên doanh theo ngành hàng hoặc theo làng nghề, khắc phục một nhược điểm lớn của doanh nghiệp làng nghề hiện nay là "một mình một chợ", kém liên doanh, liên kết. Trong mỗi làng nghề hoặc mỗi ngành nghề, cần hình thành một vài doanh nghiệp có thế mạnh làm đầu tàu dẫn dắt các doanh nghiệp khác, là lực lượng chủ công trong việc nhận đơn đặt hàng, phân công tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; kể cả việc trợ giúp một phần vốn cần thiết cho các cơ sở có quan hệ.

Các loại hình doanh nghiệp cần được giúp đỡ thành lập và hoạt động trong một môi trường thân thiện hơn, nhất là trong việc giải quyết nhu cầu về vốn, về mặt bằng cho kinh doanh. Phát triển các loại doanh nghiệp sản xuất là cần thiết, nhưng không thể xem nhẹ vị trí của các tổ chức dịch vụ, đó là các doanh nghiệp, các trung tâm chuyên cung cấp các dịch vụ như tư vấn kinh doanh, lập dự án, thiết kế mẫu mã, xây dựng thương hiệu, cung ứng vật tư, nguyên liệu, tìm thị trường, đào tạo nghề, v.v... Kinh nghiệm cho thấy, chính những tổ chức dịch vụ này mà lâu nay ít được quan tâm lại là những tổ chức có tác dụng quan trọng tìm kiếm đầu vào cũng như đầu ra cho sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa tăng thêm của sản phẩm làng nghề.

Sáu là, *giải quyết nhu cầu về vốn cho làng nghề*. Thiếu vốn là vấn đề lớn nhất không chỉ của các làng nghề mà còn là vấn đề nan giải chung của các doanh nghiệp khó khăn hiện nay. Thời gian qua, Nhà nước ta đã có những biện pháp hỗ trợ như giải ngân, hỗ trợ lãi suất, lùi thời hạn vay vốn Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp – Phát triển Nông thôn đã đề nghị Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước có chính sách ưu đãi với làng nghề, đặc biệt trong

vấn đề vay vốn và hỗ trợ lãi suất vốn vay, kiến nghị Chính phủ dành 25% số tiền trong gói kích cầu ưu tiên hỗ trợ làng nghề và doanh nghiệp nông thôn.

Về việc tiếp cận với nguồn vốn vay 4% theo gói kích cầu của Chính phủ cũng được các doanh nghiệp làng nghề quan tâm. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa của làng nghề đều lo ngại vì khó tiếp cận được nguồn vốn này. Theo quan điểm của Ngân hàng Nhà nước, để vay được nguồn vốn ưu đãi này, doanh nghiệp phải có phương án, đề án kinh doanh khả thi và có khả năng trả nợ. Tuy nhiên, khó có doanh nghiệp làng nghề nào đáp ứng được đầy đủ 2 điều kiện cần và đủ do ngân hàng đặt ra. Để giải quyết vấn đề này, ngân hàng nên xem xét cho vay theo hiệu quả, doanh số kinh doanh của năm, hoặc xem xét số việc làm được tạo ra trong doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp tại các làng nghề mới tiếp cận được vốn và duy trì việc làm cũng như tạo thêm việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, theo đánh giá đây chỉ là giải pháp trước mắt chứ chưa giải quyết được triệt để những khó khăn trong việc đảm bảo vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp làng nghề. Do đó nguy cơ tình trạng thiếu vốn có thể còn nghiêm trọng hơn vào những năm tới. Về lâu dài, để giải quyết khó khăn về vốn cho làng nghề, việc vay vốn của ngân hàng vẫn rất cần thiết. Doanh nghiệp làng nghề cần có những phương án kinh doanh có hiệu quả để ngân hàng tin tưởng và sẵn sàng cho vay. Song rất cần cần đa dạng hóa các nguồn vốn, vì nếu các doanh nghiệp làng nghề chỉ một chiều trông chờ vốn tín dụng của ngân hàng thì cũng khó cho ngân hàng, vì họ cũng phải "đi vay để cho vay", ngân hàng cũng phải tính toán chặt chẽ, bảo toàn vốn của họ.

Trong thực tế, có rất nhiều phương thức đa dạng hóa nguồn vốn cho doanh nghiệp làng nghề. Ngoài vốn của các ngân hàng thương mại, còn vốn của các tổ chức tín dụng khác, của các quỹ tín dụng nhân dân, quỹ của các đoàn thể nhân dân (phụ nữ, nông dân ...), quỹ tương trợ của các tổ chức xã hội dân sự (các hội, hiệp hội nghề nghiệp), v.v... Có thể học kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực trong việc thành lập các loại quỹ dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trung Quốc thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thái Lan có Công ty bảo lãnh tín dụng công nghiệp nhỏ. Malaysia có Công ty bảo lãnh tín dụng. Philippin có Công ty tài chính và bảo lãnh doanh nghiệp nhỏ, v.v...

Một loại hình quỹ trợ giúp vốn doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ bảo lãnh tín dụng. Có thể học tập kinh nghiệm của Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản là những nơi có quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động rất có hiệu quả. Ở Việt Nam, chủ trương thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được Chính phủ đề ra từ Nghị định

90/2001 - một loại quỹ nhằm trả nợ cho ngân hàng khi doanh nghiệp vay không đủ tiền trả nợ, cùng "chia sẻ rủi ro", bảo toàn vốn cho ngân hàng. Tháng 12 năm 2001, Chính phủ đã có Quyết định về Quy chế về thành lập, hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; nhưng rất tiếc là cho đến nay, quỹ này mới được thành lập ở 09 tỉnh trong cả nước, trong đó chỉ có 03 quỹ chính thức hoạt động (Trà Vinh, Yên Bái và Vĩnh Phúc) nhưng hiệu quả cũng chưa cao. Cần sơ kết hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng, có những sửa đổi cần thiết về mô hình, quy chế góp vốn và cơ chế bảo lãnh sao cho có hiệu quả. Việc sớm thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng ở các địa phương sẽ có hiệu quả rất thiết thực gắn kết doanh nghiệp làng nghề với ngân hàng, để ngân hàng yên tâm hơn khi cho vay.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có kiến nghị về việc thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có doanh nghiệp làng nghề. Quỹ này có thể làm đầu mối huy động và tập trung các nguồn lực trong nước và quốc tế nhằm trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo định hướng ưu tiên, phát triển các ngành và tại các địa bàn cần khuyến khích, khắc phục tình trạng phân tán, kém hiệu quả lâu nay. Quỹ này cũng là tổ chức hỗ trợ hệ thống Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có doanh nghiệp làng nghề, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ trợ giúp khác. Rất nên sớm thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng nói trên.

Bây là, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh. Đối với làng nghề, việc ứng dụng khoa học và công nghệ là rất cần thiết cho việc nâng cao chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã và hạ giá thành của sản phẩm, ứng dụng khoa học quản lý trong doanh nghiệp làng nghề, khắc phục tình trạng quản lý thủ công, luộm thuộm, nhưng đương nhiên phải có bài bản từ thấp đến cao phù hợp với trình độ của doanh nghiệp, góp phần thiết thực phát triển doanh nghiệp.

Quan trọng và cấp bách nhất hiện nay là việc ứng dụng công nghệ trong việc khắc phục ô nhiễm môi trường – một vấn đề đang ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của lao động làng nghề và cư dân nông thôn. Trong thực tế, nhiều doanh nghiệp đã chủ động thực hiện các biện pháp về khoa học, công nghệ như ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhằm giải quyết ô nhiễm không khí, ô nhiễm dòng nước và ô nhiễm đất. Ví như chuyển công nghệ đốt nung các sản phẩm gốm sứ từ than sang khí gas hoặc khí hóa lỏng ở các làng nghề gốm sứ Bát Tràng, Bình Dương; áp dụng công nghệ phân hủy yếm khí kết hợp thu hồi biogas tạo khí đốt và phân bón chất lượng cao tại các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm; một

số cơ sở làng nghề giấy Phong Khê đã áp dụng phương pháp xử lý nước thải bằng hóa lý kết hợp sinh học đạt kết quả tốt. Những sáng kiến, kinh nghiệm này cần được khuyến khích để có thể mở rộng việc áp dụng.

Nhà nước ta cũng đã có các quyết định về sử dụng các loại thuế, phí bảo vệ môi trường, nhằm thay đổi ý thức và hành vi các đối tượng gây ô nhiễm môi trường. Ngoài các loại thuế, phí bảo vệ môi trường, cần huy động sự đóng góp tự nguyện của các doanh nghiệp làng nghề để trồng cây xanh, khai thông cống rãnh, cung ứng nước sạch, v.v... nâng cao ý thức của cộng đồng làng nghề trong việc bảo vệ môi trường. Song, như thực tế cho thấy, việc khắc phục ô nhiễm môi trường trong nhiều trường hợp liên quan đến cả một huyện, một tỉnh thậm chí cả một vùng (như ô nhiễm dòng sông Thị Vải, sông Nhuệ), kinh phí để khắc phục là rất lớn, vì vậy, rất cần sự tiếp tay của cơ quan chức năng, với công tác quy hoạch phát triển và sự đầu tư của Nhà nước.

Tám là, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Trong phát triển kinh tế của mỗi nước, nhân lực luôn luôn được coi là nguồn vốn đặc biệt, là tài sản quý giá nhất, bảo đảm cho năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Trong các làng nghề, vấn đề nhân lực lại càng cấp bách, vì hiện nay đang có tình trạng lao động làng nghề không thiết tha gắn bó với nghề, thanh niên làng nghề không muốn theo nghề của cha ông, còn nghệ nhân thì nhiều cụ tuổi đã cao, thiếu điều kiện để sáng tác và truyền nghề, v.v... Chính vì vậy, doanh nghiệp làng nghề rất cần coi trọng việc bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động, đào tạo nghệ nhân trẻ, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm các điều kiện để họ thấy rõ tiền đồ, yên tâm gắn bó với làng nghề.

Nghệ nhân là vốn quý của các làng nghề. Cần thực hiện tốt hơn nữa các biện pháp tôn vinh, chăm sóc và phát huy tài năng của các nghệ nhân, vì họ là những tài năng sáng tạo góp phần bổ sung, làm đẹp thêm truyền thống và bản sắc văn hóa cộng đồng, họ có vai trò then chốt trong việc giữ gìn, thực hành, truyền nghề, lưu truyền các giá trị văn hóa dân tộc trong những sản phẩm làng nghề. Nhiều làng nghề được nổi tiếng cũng do có những nghệ nhân giàu kinh nghiệm đã nắm được những bí quyết gia truyền trong việc sáng tạo các sản phẩm có mẫu mã độc đáo, thể hiện truyền thống văn hóa của dân tộc. Tổ chức Giáo dục – Khoa học – Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã gọi họ là “báu vật nhân văn sống”. Nhiều nghệ nhân hiện nay đã cao tuổi; họ cần được chăm sóc và tôn vinh, khen thưởng xứng đáng và tạo điều kiện để truyền dạy nghề cho lớp trẻ kế tiếp. Cùng với lớp nghệ nhân lớn tuổi, chúng ta đang có những nghệ nhân trưởng thành qua học tập tại các

trường lớp có kiến thức cơ bản đang rất xung sức. Trong mỗi làng nghề, cần chú trọng phát huy khả năng của các nghệ nhân nhiều tuổi, giúp cho họ những điều kiện để tiếp tục sáng tạo, đồng thời hình thành nhiều lớp nghệ nhân, qua đó tạo lực lượng kế thừa, lưu giữ được những tinh hoa truyền thống làng nghề. Cần có chính sách trợ giúp chi phí lớp học cho các doanh nghiệp làng nghề, cho các nghệ nhân mở lớp truyền nghề, các lớp đào tạo thợ lành nghề, giáo viên dạy nghề và người thiết kế mẫu mã trong các làng nghề.

Việc bồi dưỡng, đào tạo các chủ doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn về các kiến thức về kinh tế thị trường, về pháp luật trong kinh doanh (kể cả luật pháp nước ta và luật pháp quốc tế) là rất cấp bách nhằm bảo đảm và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong kinh doanh, để kinh doanh đúng luật pháp và cũng để tránh được những vụ kiện cáo có thể xảy ra trên thương trường. Đồng thời, coi trọng việc bồi dưỡng các kỹ năng quản lý doanh nghiệp, đủ sức chèo lái doanh nghiệp trong các trường hợp khó khăn, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề cũng như của doanh nghiệp làng nghề.

Chính là, tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước. Để phát triển thêm nhiều ngành nghề, nhiều làng nghề và doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn, Nhà nước có vai trò rất quan trọng; đó là những công việc như: tiếp tục đổi mới thể chế, chính sách; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch; giải quyết các nhu cầu về mặt bằng, về vốn liếng, về tìm kiếm thị trường, về ứng dụng công nghệ và kỹ năng quản lý, về đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, tôn vinh nghệ nhân, về khắc phục ô nhiễm môi trường, v.v... Riêng việc bảo vệ môi trường làng nghề, khắc phục ô nhiễm không chỉ là việc riêng của mỗi làng nghề, mà rất quan trọng có ý nghĩa quyết định là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2000 về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; tiếp theo là Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó đã đề ra những chủ trương, chính sách rất quan trọng nhằm khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề và doanh nghiệp làng nghề. Tuy vậy, việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật nói trên còn nhiều khuyết điểm, nhiều chính sách đúng đắn chưa được triển khai. Cần phát huy tính tích cực của ủy ban nhân dân các địa phương từ tỉnh đến huyện, xã trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, quan trọng nhất là chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các cơ quan chức năng trong địa phương giải quyết dứt điểm các trở ngại, thực sự là một “chính quyền thân thiện” với làng nghề.

Cần đẩy mạnh cuộc cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, khắc phục những hành vi sách nhiễu doanh nghiệp làng nghề, tạo thuận lợi hơn nữa cho các loại hình doanh nghiệp trong đăng ký kinh doanh, gia nhập thị trường, xóa bỏ các thủ tục phiền hà đang cản trở doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Mười là, phát huy vai trò của các hội, hiệp hội. Trong các hoạt động chấn hưng và phát triển làng nghề, không thể xem nhẹ các hội, hiệp hội làng nghề, là những tổ chức xã hội - nghề nghiệp rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường có vai trò đối với làng nghề, doanh nghiệp làng nghề về ba mặt (i) giúp đỡ lẫn nhau về các mặt (thị trường, vốn liếng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh ...); (ii) bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp; (iii) là cầu nối giữa doanh nghiệp làng nghề với các cơ quan nhà nước, đưa tiếng nói của cộng đồng làng nghề đóng góp vào việc xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến làng nghề.

Đến nay, cả nước ta đã có trên 200 hội, hiệp hội doanh nghiệp, có những hội của từng ngành nghề, có những hội có tính chất hiệp hội cả nước (như Hiệp hội làng nghề Việt Nam) hoặc địa phương (của tỉnh hoặc huyện, xã) và các hội ngành nghề. Riêng Hà Tây (cũ) cũng đã có nhiều hội, như Hội làng nghề Thường Tín, Hội thêu ren, Hội mây tre đan, Hội thủ công mỹ nghệ, Hội nghệ nhân thợ giỏi, v.v... Thái Bình có Chi hội Mỹ nghệ kim hoàn chạm bạc Đồng Xâm; Nam Định có Hội đúc - Kim khí, v.v... Hiệp hội Làng nghề Việt Nam (thành lập tháng 2 năm 2005) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các làng nghề, phố nghề truyền thống của Việt Nam; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, văn hoá và các doanh nhân, nghệ nhân, các cá nhân có tâm huyết giữ gìn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, phố nghề. Hiệp hội đã có nhiều hoạt động góp sức cùng các cơ quan nhà nước nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề như thực hiện liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế; hỗ trợ nhau về kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nâng cao giá trị sản phẩm, giá trị văn hoá của các mặt hàng của làng nghề; mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, v.v... Hiệp hội Làng nghề Việt Nam đã tổ chức hai đợt tôn vinh các sản phẩm tinh hoa làng nghề, các làng nghề, doanh nghiệp và nghệ nhân làng nghề tiêu biểu của cả nước (năm 2007 và 2008).

Thực tiễn cho thấy hoạt động có hiệu quả của các hội, hiệp hội sẽ tác động tích cực đến chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá làng nghề, góp phần quan trọng phát triển làng nghề bền vững trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Cần khuyến khích phát triển thêm nhiều hội, hiệp hội nhất là hội chuyên ngành, để có điều kiện đi sâu vào từng nhóm

ngành, nghề, hỗ trợ nhau một cách thiết thực; đồng thời cải tiến hoạt động của các hội, hiệp hội đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các doanh nghiệp, các làng nghề.

* *

*

Làng nghề có ý nghĩa to lớn về kinh tế và văn hóa, xã hội trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta. Song cho đến nay, chưa có những khảo sát thực tế, những cuộc điều tra xã hội học cũng như những công trình nghiên cứu khoa học thực sự toàn diện, có hệ thống và sâu sắc về làng nghề. Trên đây chỉ là một số vấn đề nảy sinh từ thực tiễn được gọi ra, còn quá sơ sài; mong rằng trong thời gian tới, sẽ có những công trình nghiên cứu đầy đủ hơn để có thể có những đóng góp thiết thực nhằm hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách cần thiết để bảo tồn và phát triển làng nghề, phát huy tốt hơn nữa vai trò của làng nghề trong tình hình mới.